

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/DS-PT

Ngày: 09 -01-2018

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua  
bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Hoàng Vũ

Các Thẩm phán : Ông Lưu Hữu Giàu

: Ông Ngô Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 186/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 211/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 213/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1.1. Ông Phan Thái Đ, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 351, tổ 10, ấp Phú Q, xã Phú A, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn T (tự Kia), sinh năm 1968 (có mặt)

2.2. Bà Đỗ Thị Ngọc D, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp Phú Q, xã Phú A, huyện T, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Ngô Văn N, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp Phú Q, xã Phú A, huyện T, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị Ngọc D là bị đơn.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

**Theo đơn khởi kiện và các biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm nguyên đơn ông Phan Thái Đ trình bày:** Đối với các phiếu giao hàng các ngày ghi tên chị D: ngày 19/8/2014; ngày 20/8/2014; ngày 25/8/2014; ngày 29/8/2014; ngày 31/8/2014; ngày 10/9/2014; ngày 20/9/2014; ngày 24/9/2014; ngày 29/9/2014; ngày 08/10/2014; ngày 16/10/2014; ngày 18/10/2014; ngày 22/10/2014; ngày 29/10/2014; ngày 30/10/2014; ngày 11/11/2014; ngày 25/11/2014; ngày 21/12/2014; ngày 28/12/2014; ngày 31/12/2014; ngày 11/01/2015; ngày 16/01/2015; ngày 25/01/2015; ngày 30/01/2015; ngày 02/02/2015; ngày 06/02/2015; ngày 10/02/2015; ngày 17/02/2015; ngày 8/3/2015; ngày 10/3/2015; ngày 26/3/2015; ngày 05/4/2015; ngày 03/5/2015; ngày 09/5/2015; ngày 16/5/2015; ngày 17/5/2015; ngày 22/5/2015; ngày 25/5/2015; ngày 01/6/2015; ngày 16/6/2015; ngày 19/6/2015; ngày 28/6/2015; ngày 01/7/2015; ngày 07/7/2015; ngày 17/7/2015; ngày 30/7/2015; ngày 07/8/2015. Các lần nhận hàng trên đây đều do ông N trực tiếp nhận và các phiếu đó do ông Đ ghi không có sự ký tên của ông N. Tất cả các lần mua hàng là sử dụng vào việc làm lúa của đất vợ, chồng ông T, bà D ở xã Phú An, Phú Tân.

Đối với các phiếu giao hàng các ngày ghi tên anh Phúc (chị D): ngày 08/01/2014; ngày 03/12/2014; ngày 04/12/2014; ngày 11/12/2014; ngày 13/12/2014; ngày 16/12/2014; ngày 17/12/2014; ngày 01/01/2015; ngày 07/01/2015; ngày 14/01/2015; ngày 20/01/2015; ngày 22/01/2015; ngày 30/01/2015; ngày 12/02/2015; ngày 15/02/2015; ngày 15/02/2015; ngày 25/02/2015; ngày 12/4/2015; ngày 17/4/2015; ngày 29/4/2015; ngày 01/5/2015; ngày 07/5/2015; ngày 08/5/2015; ngày 12/5/2015; ngày 25/5/2015; ngày 27/5/2015; ngày 18/10/2015; ngày 04/6/2015; ngày 12/6/2015; ngày 21/6/2015; ngày 01/7/2015; ngày 03/7/2015; ngày 11/8/2015; ngày 14/8/2015; ngày 19/8/2015; ngày 01/9/2015; ngày 17/9/2015; ngày 24/9/2015; ngày 03/11/2015; ngày 08/11/2015. Các lần nhận hàng này đều do ông T trực tiếp nhận và các phiếu đó do ông Đ ghi không có sự ký tên của ông T. Tất cả các lần mua hàng là sử dụng vào việc làm lúa vợ, chồng ông T thuê đất ở tỉnh Đồng Tháp. Sau khi ngưng mua hàng thì ông T, bà D trả được 01 số, không nhớ bao nhiêu, chỉ nhớ còn thiếu lại tiền mua thuốc 73.149.000đ và tính lãi phải trả 4.180.000đ, cộng chung = 77.329.000đ ông T có ký tên và ghi họ tên Trần Văn T vào tờ giấy có tiêu đề: “*tiền phân đồng tháp*”, sau khi ký tờ giấy trên thì bà D chỉ trả được 10.000.000đ, còn lại 67.329.000đ không trả tôi đòi nhiều lần. Vì vậy bà D trực tiếp viết và ký biên nhận có các từ: “*02-2-2016 bà D biên nhận có hứa 4 tháng trả cho Thái Đ 10.000.000đ hôm nay 10 tây tháng 3 năm 2016, nếu say lời hứa tính lấy 2 lay*”, nhưng từ đó đến nay không trả, số còn thiếu lại 67.329.000đ.

**Bị đơn ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị Ngọc D trình bày:** Đối với phiếu giao hàng do ông Đ cung cấp là không biết, phía ông Đ tự làm. Ông bà cho rằng vợ chồng có thuê ông N làm mùa vụ lúa, đất ở xã Phú An, Phú Tân, từ năm 2014 đến khi không còn thuê ông nữa thì chúng tôi đều nhờ ông N đến ông Đ mua vật tư nông nghiệp thiếu để sử dụng đất ở Phú An. Không nhớ ông N đã mua bao nhiêu lần, mỗi lần vào thời gian nào, số lượng bao nhiêu và bao nhiêu tiền. Chỉ nhớ sau khi mua bán thì chúng tôi trả, không nhớ đã trả bao nhiêu (không có người khác chứng kiến và giấy tờ) chỉ nhớ đến ngày 10/3/2016 (nhằm ngày 02/2/2016 âm) còn thiếu lại 10.000.000đ chị D mới ghi biên nhận có các từ: *“02/2/2016 chị D biên nhận có hứa 4 tháng chả cho Thái Đ 10.000.000đ hôm nay 10 tây tháng 3 năm 2016, nếu say lời hứa tính lấy 2 lay”*, biên nhận do D trực tiếp viết và ký tên, từ khi làm biên nhận đến nay vẫn chưa trả. Bên cạnh đó, thì chúng tôi cũng mua thiếu vật tư nông nghiệp của ông Đ để sử dụng cho việc làm lúa ở tỉnh Đồng Tháp. Không nhớ đã mua bao nhiêu lần, mỗi lần mua vào thời gian nào, số lượng bao nhiêu và bao nhiêu tiền, đều do ông T đi nhận hàng, mỗi lần nhận hàng đều không ký tên, sau khi ngưng mua, bán thì chúng tôi đã thanh toán dứt điểm (không có người khác chứng kiến và giấy tờ). Như vậy, chúng tôi chỉ còn thiếu 10.000.000đ chứ không phải 67.329.000đ như ông Đ đã kiện. Đối với tờ giấy có tiêu đề *“tiền phân đồng tháp”* ông T khẳng định không phải do ông ký và viết.

Tuy theo kết quả giám định trên đây thì chữ ký và chữ viết của Tôi (*ông Trần Văn T*) trong tờ giấy có tiêu đề: *“Tiền phân Đồng Tháp”* năm 2015 do ông Đ cung cấp với các mẫu so sánh của thời điểm năm 2015 là do một người ký và viết ra nhưng thực tế tôi (T) không có ký và viết, vì vậy không đồng ý trả số tiền như ông Đ yêu cầu là 67.329.000 đồng mà chỉ đồng ý trả số tiền còn thiếu là 10.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn N trình bày:** Vợ, chồng ông T thuê tôi làm lúa đất của ông, bà tại xã Phú An, Phú Tân, làm theo mùa vụ từ năm 2014, tôi làm liên tục đến thu hoạch xong vụ thu đông năm 2016 thì không làm nữa đến nay, vì họ đã cho người khác thuê, từ khi ông làm công cho vợ, chồng ông T, bà D đến khi họ không còn mua hàng của ông Đ nữa thì họ đều nhờ ông đến gặp ông Đ để nhận hàng, không nhớ tôi đã nhận tổng số bao nhiêu lần, mỗi lần vào thời gian nào, số lượng bao nhiêu và số tiền bao nhiêu. Mỗi lần nhận hàng ông Đ tự ghi vào sổ chứ ông không có ký giấy tờ nên ông không còn liên quan.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 211/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã xử:***

- Buộc anh Trần Văn T với chị Đỗ Thị Ngọc D cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho anh Phan Thái Đ số tiền 67.329.000đ (Sáu mươi bảy triệu, ba trăm, hai mươi chín ngàn chẵn).

- Anh Trần Văn T với chị Đỗ Thị Ngọc D cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho anh Phan Thái Đ số tiền chi phí giám định 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, Tòa sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo của ông Trần Văn T, bà Đỗ Thị Ngọc D yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, vì thực tế vợ chồng ông bà chỉ còn nợ ông Đ số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên ông Phan Thái Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn ông Trần Văn T với bà Đỗ Thị Ngọc D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Trần Văn T với bà Đỗ Thị Ngọc D yêu cầu xem xét các chứng cứ và giám định lại chữ ký và chữ viết “Trần Văn T” tại tờ “*Tiền phân Đồng Tháp*” năm 2015 do ông Đ cung cấp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:*** Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Trần Văn T với bà Đỗ Thị Ngọc D là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ qui định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự xác định có 02 mẫu so sánh với tài liệu cần giám định là chữ viết và chữ ký tên trên tờ tiền phân Đồng Tháp nên cấp sơ thẩm buộc anh Trần Văn T với chị Đỗ Thị Ngọc D cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho anh Phan Thái Đ số tiền 67.329.000đ là có căn cứ. Anh T và chị D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử bác yêu cầu kháng cáo của anh T chị D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 211/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét: Ông T, bà D kháng cáo vợ chồng ông bà chỉ còn nợ ông Đ số tiền 10.000.000 đồng theo biên nhận do bà D ghi với ông Đ “02/2/2016 chị D biên nhận có hứa 4 tháng trả cho Thái Đ 10.000.000đ hôm nay 10 tây tháng 3 năm 2016, nếu say lời hứa tính lấy 2 lay”, không đồng ý với chứng cứ ông Đ cung cấp tại tờ “*Tiền phân Đồng Tháp*” (bút lục 266), ông bà cho rằng phần ký tên và chữ viết tên “Trần Văn T” không phải do ông T ký và viết. Tại cấp sơ thẩm ông bà yêu cầu giám định và cho rằng nếu kết quả giám định là chữ viết và chữ ký của ông T thì ông bà sẽ trả số tiền đúng như số tiền ông Đ yêu cầu là 67.329.000đ. Ngược lại, nếu không đúng thì vợ chồng ông bà chỉ đồng ý trả 10.000.000 đồng. Theo kết luận giám định số 127/KLGT-PC54 ngày 03/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang thì tại mục 5.1 Chữ ký mang tên Trần Văn T tại dòng 11 trên tài liệu cần giám định ký hiệu TLCGD: A1 so với

chữ ký mang tên Trần Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu TLMSS: M1 – M2 do cùng một người ký ra và tại mục 5.3. Chữ viết “Trần Văn T” tại dòng 12 trên tài liệu cần giám định ký hiệu TLCGD: A1 so với chữ viết: “Trần Văn T” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu TLMSS: M1 – M6 và chữ viết: “Trần Văn T” dưới mục: “Người viết phiếu báo” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu TLMSS: M7 do cùng một người viết ra. Với kết luận giám định này, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc vợ chồng ông T, bà D cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Thái Đ số tiền 67.329.000đ là có cơ sở.

[2] Trong quá trình giải quyết phúc thẩm vợ chồng ông T, bà D có yêu cầu giám định lại tờ giấy “Tiền phân Đồng Tháp” do ông Đ cung cấp, vì vẫn cho rằng không do ông T ký và viết tên mình trong tờ giấy này. Tuy nhiên, căn cứ vào khoản 5 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật...” và Luật giám định tư pháp có quy định tại khoản 2 Điều 29: “Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác ...” . Đối với yêu cầu của mình thì ngoài lời khai ông T bà D không chứng minh được kết luận giám định này rơi vào các trường hợp phải giám định lại do Bộ luật tố tụng dân sự và Luật giám định tư pháp quy định. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T bà D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể xem xét khác. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T bà D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 211/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn T, bà Đỗ Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T, bà Đỗ Thị Ngọc D.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 211/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Án phí: Ông Trần Văn T, bà Đỗ Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016129 ngày 22/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND huyện Phú Tân (1)
- THA huyện Phú Tân (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành”
- Lưu: hồ sơ.

**Trần Hoàng Vũ**

**CÁC THẨM PHÁN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

